

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I, MÔN NGỮ VĂN 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/ ®-n vũ kiến thức	Mức ®é nhĩn thĩc								Tæng % điểm
			Nhĩn biĩt		Th«ng hiĩu		Vĩn đĩng		Vĩn đĩng cao		
			TN KQ	TL	TN K Q	TL	TN KQ	TL	TN K Q	TL	
1	ĩc hiĩ u	Th- (bĩn chĩ, nĩm chĩ, lĩc bĩt)	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viĩ t	Viĩt vĩn bĩn phĩn tĩch ®ĩc ®ĩĩm nhĩn vĩt trong mĩt t, c phĩĩm vĩn hĩc	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tæng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
TỖ LĨ %			20%		40%		30%		10%		
TỖ LĨ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
M«n: Ng÷ vĩn 7. Thĩi gian lĩm bĩi : 90 phĩt

T T	Ch- ĩng/ Chĩ ®ĩ	Nĩi dun g / ĩ-ĩn	Mức ®é ®, nh gĩ,	Sĩ cĩu hĩi theo mức ®é nhĩn thĩc			
				Nhĩ n	Th«ng hiĩu	Vĩn đĩng	Vĩn đĩng

		vP kiỐn thøc		biỐt			cao
I	Đọc hiểu	Th↯ (bốn chữ, năm chữ, lục bát)	NhỄn biỐt: - NhỄn biỐt ®íc tổ ng÷, vÇn nhÞp trong bụi th↯. - NhỄn biỐt ®íc bè cóc, các nhân vật trữ tình tiªu biÓu, c, c yỐu tè tù sù, miªu t¶ ®íc sữ đông trong bụi th↯. - Nhận biết ®íc sữ tổ, phẫ từ. Th«ng hiÓu: - X, c ®Þnh ®íc thành phần câu. - HiÓu vự lý gi¶i ®íc txnh c¶m, c¶m xóc cĩa nh©n vỄt tr÷ txnh ®íc thÓ hiỐn qua ng«n ng÷ v"n b¶n. - Rót ra ®íc chñ ®Ò, th«ng ®iỐp mự v"n b¶n muèn gõi ®Ốn ngêi ®ắc. - Ph©n tÝch ®íc gi, trÞ biÓu ®¹t cĩa tổ ng÷, hxnh ¶nh, vÇn nhÞp, biỐn ph, p tu tổ. - Gi¶i thÝch ®íc ý nghĩa t, c đông cĩa nghĩa cĩa tổ trong ng÷ c¶nh cĩa đều chỀm lỏng. VỀn đông: - Trxnh bụi ®íc	3TN	5TN	2TL	

			nh÷ng c¶m nhĩn s©u s³/₄c vµ rút ra ®íc nh÷ng bụi hắc øng xõ cho b¶n th©n. - §, nh gi, ®íc nĐt ®éc ®, o cĩa bụi th¬ thÓ hiÕn qua c, ch nh×n riªng vÒ con ngêi, cuéc sèng, qua c, ch sõ đông tở ng÷, h×nh ¶nh , giãng ®iÕu.				
II	ViÕt	ViÕt vñ b¶n ph©n n tỷch ®Æc ®i m nh©n vật trong mét t, c phÈ m vñ hắc được đọc.	Nhận biết: Nhận biết được kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật. Thông hiểu: Nắm được ®Æc ®i nh©n vËt trong mét t, c phÈ vñ hắc được đọc. Vận dụng: Lựa chọn nhân vật, đặc điểm nhân vật được gợi ra từ một tác phẩm văn học. Vấn đề cao: ViÕt ®íc bụi ph©n tỷch ®Æc ®i nh©n vËt trong mét t, c phÈ vñ hắc. Bụi viÕt cũ ®ñ nh÷ng th«ng tin vÒ t, c gi¶, t, c phÈ, vP trÝ cĩa nh©n vËt trong t, c phÈ, ph©n tỷch ®íc c, c ®Æc ®i cĩa nh©n vËt dựa trªn nh÷ng				1TL

			chỉ tiỐt vỒ lỀi kỐ, ng«n ng÷, hụnh ®éng cầ nh©n vỀt.				
Tæng				3TN	5TN	2TL	1TL
TỠ IỠ %				20	40	30	10
TỠ IỠ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

M«n: Ng÷ v"n 7

Thêi gian lụm bụì : 90 phót

I. §ăc hiỐu : (6,0 ®iỐm)

§ăc bụì th- "Nhí mỄ" (L-ng Hụ) vự trỄ lỀi c, c c©u hái sau:

L©u l©u vỒ th"m mỄ Con chỠ muèn n»m nghe B^{3/4}t mỄ kỐ lóc trỄ. MỄ nu«i hai ®øa bĐ. §øa th× n»m træn vâng §øa lon ton, lẫng ngẫng MỄ lom khom b÷a nẫng Cho con "n lín chẫng Lóc con hăc a, a Sai, mỄ ch^{1/4}ng rÇy la. M^{3/4}t mỄ buản hiỒn hßa Con còng chít nhỄn ra. Khi con ®i hăc xa Lóc ®íc nghỠ vỒ nhự Mong con b»ng ngêi ta. VĐt s¹ch tóit dềc ra.	MỄ kh«ng quỄn ma n^{3/4}ng Chí gÇn , xa cề g^{3/4}ng Gom nhÆt tống ®am tr^{3/4}ng Cho con ch¹m íc m-. Con th-ng mỄ l^{3/4}m lu«n Nhí nh÷ng buæi chiỒu buản L«i c, nh tay gÇy guéc. Gèi chui tất vựo lẫng. Th-ng mỄ qu, . MỄ «i ! Lẫng quÆn ®au r· rêi... Nhí mỄ qu, ...! MỄ -i ! Con nhí mỄ...Kh«ng ngu«i.
---	--

C©u 1: Ở khổ thơ thứ 2, tác giả gieo vần gì?

- A. Vần "ong" - lưng.
- B. Vần "ong"- chân.**
- C. Vần "óng"- lưng.
- D. Vần "óng"- chân.

C©u 2: Nh÷ng nhân vật trữ tình vựo ®íc xuỄt hiỒn trong bụì th-?

- A. MỄ vự bự
- B. MỄ vự bè.
- C. Bè vự con.
- D. MỄ vự con**

C©u 3: Khổ thơ thứ nhất, có mấy số từ?

- A.1**
- B. 2

C. 3

D. 4

Câu 4: Khæ th¬ ®· thÓ hiÖn t¬nh c¶m gx cña mÑ d¶nh cho con?

*MÑ kh«ng qu¶n ma n³/₄ng
Chí gÇn, xa cè g³/₄ng
Gom nhÆt tång ®¶m tr³/₄ng
Cho con ch¹m íc m¬.*

A. MÑ th¬ng yªu con hÖt mỳc.

B. MÑ mong con kh«n lín nãn ngãi.

C. ThÓ hiÖn sù hi sinh thÇm lÆng cña mÑ d¶nh cho con.

D. MÑ lu«n lo l³/₄ng cho con.

Câu 5: Xét về mục đích nói câu thơ “Nhí mÑ qu, ...! MÑ ¬i !” thuộc kiểu câu gì?

A. Câu nghi vấn.

B. Câu cầu khiến.

C. Câu trần thuật.

D. Câu cảm thán.

Câu 6: Xét về cấu trúc, câu thơ “L©u l©u vÒ th¬m mÑ” thiếu thành phần ngữ pháp nào?

A. Thành phần chủ ngữ

B. Thành phần vị ngữ

C. Cả thành phần chủ ngữ và vị ngữ

D. Thành phần trạng ngữ

Câu 7: Từ “rã rời” trong câu thơ : Lòng quặn đau rã rời

Thể hiện nỗi niềm, tâm trạng gì của người con?

A. Mệt mỏi

B. Đau đớn, nhớ thương

C. Xót xa

D. Ngậm ngùi

Câu 8: Bài thơ trên toát lên giọng điệu gì?

A. Trầm

B. Sôi nổi

C. Tha thiết

D. Nhẹ nhàng

Câu 9: Từ bài thơ trên em rút ra thông điệp gì?

Câu 10: Viết đoạn văn (5-7 câu) nêu cảm nhận của em về hình ảnh người mẹ trong bài thơ?

PhÇn II: ViÖt (4,0 ®iÓm)

Phân tích nhân vật em yêu thích trong một tác phẩm truyện mà em đã được đọc.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

PhÇn	C©u	Néi dung	ŞiÓm
		Şắc hiÓu	
I	1	B	0,5

	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	C	0,5
	9	Học sinh rút ra được bài học về sự thấu hiểu, trân trọng, báo hiếu mẹ.	1,0
	10	Nêu được cảm nhận của em về người mẹ cả về ngoại hình, phẩm chất...	1,0
II	VIẾT		4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận		0,25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Viết bài văn nghị luận phân tích đặc điểm của nhân vật.		0,25
	c. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:		0,5
	- Phân tích về ngoại hình. - Phân tích về ngôn ngữ, lời nói. - Phân tích hành động. - Phân tích phẩm chất...		2.5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.		0,25
	e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.		0,25

BẢNG KIỂM

Tiêu chí đánh giá	Mức độ				
	Mức 5 (Xuất sắc)	Mức 4 (Giỏi)	Mức 3 (Khá)	Mức 2 (Trung bình)	Mức 1 (Yếu)
Chọn đúng nhân vật yêu thích.	Lựa chọn được nhân vật yêu thích với những tình cảm, việc làm có ý nghĩa với bản thân	Lựa chọn được nhân vật yêu thích với những tình cảm, việc làm có ý nghĩa.	Lựa chọn được nhân vật yêu thích.	Lựa chọn được nhân vật yêu thích nhưng chưa rõ ràng	
0,5 điểm	0,5đ	0,4đ	0,3đ	0,2đ	0,1đ
	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Phân tích	Chưa rõ

Đặc điểm nhân vật	ph©n tÝch ®íc c,c ®Æc ®iÓm cña nh©n vÛt ðùa trªn nh÷ng chi tiÕt vÒ lòi kÓ, ng«n ng÷, h×nh ®éng cña nh©n vÛt một cách rõ ràng, thuyết phục.	ph©n tÝch ®íc c,c ®Æc ®iÓm cña nh©n vÛt ðùa trªn nh÷ng chi tiÕt vÒ lòi kÓ, ng«n ng÷, h×nh ®éng cña nh©n vÛt một cách rõ ràng.	ph©n tÝch ®íc c,c ®Æc ®iÓm cña nh©n vÛt ðùa trªn nh÷ng chi tiÕt vÒ lòi kÓ, ng«n ng÷, h×nh ®éng cña nh©n vÛt một cách khá rõ ràng,	đặc điểm các nhân vật, các chi tiết chưa rõ ràng, hay vụn vặt; chưa có tính sáng tạo.	đặc điểm nhân vật, không có tính sáng tạo.
1,25 điểm	1,25đ	1đ	0,75đ	0,5đ	0,25đ
Bố cục, tính liên kết của văn bản	Trình bày rõ bố cục của bài văn; Các sự việc, được liên kết chặt chẽ, logic, thuyết phục.	Trình bày rõ bố cục của bài văn; Các sự việc, được liên kết chặt chẽ, logic.	Trình bày được bố cục của bài văn; Các sự việc, thể hiện được mối liên kết nhưng đôi chỗ chưa chặt chẽ.	Chưa thể hiện được bố cục của bài văn Các sự việc, chưa thể hiện được mối liên kết chặt chẽ, xuyên suốt.	Chưa thể hiện được bố cục của bài văn; Các sự việc, chưa thể hiện được mối liên kết rõ ràng.
0,5 điểm	0,5đ	0,4đ	0,3đ	0,2đ	0,1đ
Thể hiện suy nghĩ, hành động của nhân vật.	Thể hiện một cách thuyết phục đối với người đọc bằng các từ ngữ phong	Thể hiện một cách thuyết phục đối với người đọc bằng các từ ngữ phong	Thể hiện một cách thuyết phục đối với người đọc bằng các từ ngữ rõ ràng.	Thể hiện một cách thuyết phục đối với người đọc bằng các từ ngữ chưa rõ ràng.	Chưa thể hiện được suy nghĩ, hành động của nhân vật.

	phú, sinh động.	phú, phù hợp			
0,5 điểm	0,5đ	0,4đ	0,3đ	0,2đ	0,1đ
Nghệ thuật xây dựng nhân vật	Nhận xét, đánh giá được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn một cách một cách rõ ràng, thuyết phục.	Nhận xét, đánh giá được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn một cách rõ ràng.	Nhận xét, đánh giá được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn khá rõ ràng.	Nhận xét, đánh giá được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn chưa rõ ràng.	Chưa nhận xét, đánh giá được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.
0,25 điểm	0,25đ	0,2đ	0,15đ	0,1đ	0đ
Diễn đạt	Hầu như không mắc lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp	Mắc rất ít lỗi diễn đạt nhỏ	Bài viết còn mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không trầm trọng.	Bài viết còn mắc khá nhiều lỗi diễn đạt.	Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt
0,5 điểm	0,5đ	0,4đ	0,3đ	0,2đ	0,1đ
Trình bày	Trình bày đúng quy cách VB; sạch đẹp, không gạch xóa	Trình bày đúng quy cách VB; rõ ràng, không gạch xóa.	Trình bày đúng quy cách VB; chữ viết rõ ràng, có ít chỗ gạch xóa.	Trình bày quy cách VB còn đôi chỗ sai sót; chữ viết khoa học, có một vài chỗ gạch xóa.	Chưa trình bày đúng quy cách của VB; chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xóa
0,25 điểm	0,25đ	0,2đ	0,15đ	0,1đ	0đ
Sáng tạo	Bài viết có ý tưởng và cách diễn đạt sáng	Bài viết có ý tưởng hoặc cách diễn	Bài viết chưa thể hiện rõ ý tưởng hoặc	Bài viết không có ý tưởng và cách cách diễn	Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt

	tạo.	đạt sáng tạo.	cách diễn đạt sáng tạo.	đạt sáng tạo.	sáng tạo.
0,25 điểm	0,25đ	0,2đ	0,1đ	0đ	0đ
